TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH PHÚ THỌ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHU NGHIA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 63/2021/HS- ST
Ngày: 17- 9- 2021.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Minh Hòa
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Bá Tuyên
2. Ông Vũ Quang Yên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Lan- Thư ký Toà án nhân dân huyện Đ, tỉnh Phú Thọ.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa*:** Ông Nguyễn Tiến Hải- Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 67/2021/TLST- HS ngày 26 tháng 8 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 77/2021/QĐXXST- HS ngày 06 tháng 9 năm 2021 đối với các bị cáo:

1. Phạm Thị N- sinh ngày 27 tháng 7 năm 1987 tại huyện T1, tỉnh Vĩnh Phúc; tên gọi khác: Không; nơi ĐKHKTT: Thôn DL, xã P, huyện T1, tỉnh Vĩnh Phúc; chỗ ở: Tổ 8, phường X, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn S sinh năm 1966 và bà Lê Thị V sinh năm 1967 (đều đã chết); chồng thứ nhất: Phạm Văn U sinh năm 1981 (đã ly hôn), chồng thứ hai: Nguyễn Mạnh D sinh năm 1983 (cũng là bị cáo trong vụ án này); có 03 con (lớn nhất sinh năm 2010, nhỏ nhất sinh năm 2017).

- Tiền án, tiền sự: Không.

- Nhân thân:

+ Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 73/2006/HSST ngày 31/7/2006 bị Tòa án nhân dân thị xã V 2 (nay là thành phố V2), tỉnh Vĩnh Phúc xử phạt 09 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản", phải nộp 50.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm. Ngày 28/02/2007, Phạm Thị N chấp hành xong hình phạt tù; ngày 10/3/2007 nộp xong án phí (đã được xóa án tích).

+ Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 30/2012/HSST ngày 13/3/2012, bị Tòa án nhân dân thành phố V 2, tỉnh Vĩnh Phúc xử phạt 03 năm tù về tội "Tàng trữ

trái phép chất ma túy" , phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm. Phạm Thị N đã nộp án phí ngày 14/6/2012.

+ Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 23/2012/HSST ngày 04/4/2012, bị Tòa án nhân dân huyện T2, tỉnh Vĩnh Phúc xử phạt 01 năm 03 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" , phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm. Phạm Thị N đã nộp án phí ngày 22/5/2012.

Ngày 16/7/2015, Phạm Thị N chấp hành xong hình phạt tù của 02 bản án trên (Đã được xóa án tích).

+ Ngày 09/11/2011, bị Công an xã T3, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính, hình thức phạt tiền, mức phạt 1.500.000 đồng về hành vi trộm cắp tài sản.

+ Ngày 22/11/2011, bị Công an thành ph ố V2, tỉnh Vĩnh Phúc ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính, hình thức phạt tiền, mức phạt 2.250.000 đồng về hành vi trộm cắp tài sản và hành vi sử dụng trái phép chất ma túy.

Cả 02 lần bị xử phạt vi phạm hành chính trên , Phạm Thị N đều chưa nộp phạt, nhưng 02 quyết định đó đã hết thời hiệu thi hành.

+ Tại Bản án số 114/2021/HS- ST ngày 15/9/2021, bị Tòa án nhân dân thành phố V2, tỉnh Vĩnh Phúc xử phạt 02 năm 03 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản".

Bị bắt tạm giam ngày 09/6/2021, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Phú Thọ. Có mặt.

2. Nguyễn Mạnh D- sinh ngày 01 tháng 7 năm 1983 tại thành phố T, tỉnh Tuyên Quang; tên gọi khác: Không; nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: Tổ 8, phường X, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn V1 sinh năm 1960 (đã chết) và bà Nguyễn Thị S1 sinh năm 1961; có vợ là Phạm Thị N sinh năm 1987 (cũng là bị cáo trong vụ án này) và 02 con (cùng sinh năm 2017).

- Tiền án: Không.

- Tiền sự: 03:

+ Tại Quyết định số 45, ngày 23/3/2018 bị Chủ tịch UBND phường X, thành phố T , tỉnh Tuyên Quang ra quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại phường trong thời hạn 06 tháng do nghiện ma túy. Ngày 24/9/2018 Nguyễn Mạnh D chấp hành xong.

+ Tại Quyết định số 29, ngày 07/11/2018 bị Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Tuyên Quang áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc trong thời hạn 12 tháng. Ngày 18/11/2019 Nguyễn Mạnh D chấp hành xong.

+ Tại Quyết định số 29, ngày 01/3/2021, bị Công an phường X, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy , hình thức phạt tiền, mức phạt 750.000 đồng. Nguyễn Mạnh D chưa nộp phạt.

- Nhân thân:

+ Ngày 11/9/1999, bị Công an thị xã T (nay là thành phố T), tỉnh Tuyên Quang ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đánh nhau, hình thức phạt tiền, mức phạt 50.000 đồng. Nguyễn Mạnh D đã nộp phạt ngày 17/9/1999.

+ Ngày 05/12/2004, bị Chủ tịch UBND phường X, thị xã T (nay là thành phố T), tỉnh Tuyên Quang đưa vào giáo dục và cai nghiện ma túy giai đoạn 1 tại nơi cư trú trong thời hạn 02 tháng. Ngày 07/02/2005 bị Chủ tịch UBND thị xã T ra quyết định đưa vào cai nghiện ma túy bắt buộc (cai giai đoạn II) tại công trường 06, thị xã T, thời gian cai nghiện từ 12 đến 24 tháng. Ngày 25/01/2006 bị Chủ tịch UBND thị xã T ra quyết định đưa về cai nghiện ma túy giai đoạn III tại xã phường. Đến ngày 06/02/2010, Nguyễn Mạnh D được công nhận hoàn thành cai nghiện ma túy.

+ Ngày 01/6/2011, bị Chủ tịch UBND phường X, thành phố T ra quyết định đưa người nghiện ma túy vào cai nghiện tại cộng đồng trong thời gian 60 ngày. Ngày 30/8/2011 bị Chủ tịch UBND thành phố T ra quyết định đưa vào cai nghiện ma túy bắt buộc (cai giai đoạn II) tại công trường 06, thành phố T, thời gian cai nghiện từ 12 đến 24 tháng. Ngày 06/8/2013 bị Chủ tịch UBND thành phố T ra quyết định đưa về cai nghiện ma túy giai đoạn III tại nơi cư trú. Ngày 12/12/2013 Nguyễn Mạnh D kết thúc cai nghiện giai đoạn 3.

+ Tại Bản án số 114/2021/HS- ST ngày 15/9/2021, bị Tòa án nhân dân thành phố V2 xử phạt 01 năm 03 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản".

Bị bắt tạm giam ngày 09/6/2021, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Phú Thọ. Có mặt.

* Bị hại:

1. Anh Nguyễn Văn H- sinh năm 1988

Trú tại: Phố ĐT, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ. Có mặt.

3. Cháu Phạm Linh Đ1- sinh năm 2020

Trú tại: Tổ 11, phường X, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang

Người đại diện hợp pháp của cháu Đ1: Chị Phùng Như Tr- sinh năm 1987 (là mẹ đẻ cháu Đan)

Trú tại: Tổ 11, phường X, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang. Vắng mặt.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Bùi Ngọc Hải- sinh năm 1983

Trú tại: Khu TL, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ.

2. Chị Bùi Thị Khánh V- sinh năm 1969

Trú tại: Tổ 11, phường X, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang.

4. Chị Lâm Thị M- sinh năm 1994

Nơi đăng ký HKTT: Xóm Q, xã Q, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang.

Tạm trú tại: Tổ 16, phường PT, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang.

5. Chị Trần Thu Th- sinh năm 1977

Trú tại: Tổ 16, phường TQ, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang.

(Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án đều vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Phạm Thị N sinh năm 1987 có hộ khẩu thường trú tại xã P, huyện T1, tỉnh Vĩnh Phúc. Năm 2017 N kết hôn với Nguyễn Mạnh D sinh năm 1983, có hộ khẩu thường trú tại phường X, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang. Sau khi kết hôn, N và D cùng nhau sinh sống tại nhà mẹ đẻ D bà Nguyễn Thị S1 ở tổ 8, phường X. Do cả hai không có việc làm ổn định và lười lao động , nên đã nhiều lần trộm cắp tài sản, mục đích bán lấy tiền chi tiêu. Từ cuối tháng 11/2020 đến cuối tháng 02/2021 N và D đã nhiều lần có hành vi trộm cắp tài sản tại thành phố T, tỉnh Tuyên Quang và thành phố V2, tỉnh Vĩnh Phúc, sau đó di chuyển qua nhiều tỉnh để trốn tránh việc cơ quan công an truy tìm. Khoảng đầu tháng 6/2021 N và D quay về thành phố T. Đến ngày 07/6/2021 N bàn với D tiếp tục bỏ trốn, tìm nơi khác sinh sống; trên đường đi, N sẽ tìm tài sản sơ hở để trộm cắp, bán lấy tiền tiêu xài. D đồng ý.

Chiều ngày 08/6/2021, N và D lên xe bus tuyến từ thành phố T đi Bệnh viện Đa khoa tư nhân HV (xã C, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ), sau đó đi nhờ xe khách đến khu vực trường Mầm non thị trấn Đ, huyện Đ thì xuống xe, đi bộ dọc theo Quốc lộ 2, hướng Tuyên Quang- Việt Trì. Trong khi đi bộ, N và D bàn bạc, thống nhất: N sẽ đi tìm tài sản để trộm cắp, vì N là phụ nữ, nếu bị phát hiện cũng không bị đánh; tài sản trộm cắp được, D sẽ đem bán, lấy tiền cùng nhau chi tiêu. Khoảng 18 giờ cùng ngày, N và D đi qua ngã 3 Đ, vẫn theo Quốc lộ 2 hướng đi Việt Trì. Lúc đó trời sắp tối, D bảo N tìm nhà nghỉ để nghỉ lại. Cả hai vào nhà nghỉ QH ở giáp Quốc lộ 2, thuộc khu ĐL, thị trấn Đ thuê phòng nghỉ số 203 ở tầng 2. N thanh toán luôn tiền nghỉ qua đêm là 150.000 đồng cho chủ nhà nghỉ. Tối hôm đó, tại nhà nghỉ, N và D tiếp tục bàn bạc việc trộm cắp tài sản. N nói, sang hôm sau N sẽ đi bộ theo Quốc lộ 2, tìm tài sản để trộm cắp, còn D đợi tại nhà nghỉ; sau khi N lấy được tài sản, D sẽ đem bán lấy tiền tiêu xài. D đồng ý.

Khoảng 07 giờ ngày 09/6/2021 N bảo D ở nhà nghỉ đợi, N đi tìm tài sản để trộm cắp. D đồng ý, dặn N phải cẩn thận. Sau khi ra khỏi nhà nghỉ, N đi dọc theo Quốc lộ 2 hướng Việt Trì khoảng 200 mét, đến nhà số 710 đường ĐT, thuộc khu ĐT, thị trấn Đ, là nhà ở của anh Nguyễn Văn H sinh năm 1988. N thấy cửa nhà mở, không có ai trong nhà nên đi vào. N đi qua khu vực để xe, đi tiếp qua phòng khách thì thấy bên tay phải có 01 phòng ngủ mở cửa. Lúc này anh H đang ngủ trên giường trong phòng ngủ; chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A50 màu đen, lắp sim số 0358303xxx của anh H đang cắm sạc, đặt ở góc cuối giường. N đi vào góc phòng gần chỗ để điện thoại, rút dây sạc ra khỏi điện thoại, rồi đút chiếc điện thoại vào túi quần bên phải đang mặc, nhanh chóng ra khỏi nhà anh H, đi về nhà nghỉ QH. Trên đường đi, N sử dụng điện thoại di động nhãn hiệu Masstel gắn sim số 0365217xxx của mình gọi đến điện thoại di động nhãn hiệu Nokia gắn sim số 0974768xxx của D, thông báo cho D biết đã trộm cắp được 01 chiếc điện thoại di động, bảo D chờ N về rồi cùng đi bán. N về đến nhà nghỉ, đi lên cầu thang thì gặp D. Cả hai quay xuống trả phòng, rời nhà nghỉ, đi bộ theo ven Quốc lộ 2 hướng đi Tuyên Quang. Đi được một đoạn, N đưa cho D chiếc điện thoại vừa trộm cắp được, bảo D xem và tháo bỏ sim điện thoại để tránh bị định vị phát hiện. D bảo phải

có đồ để chọc vào khe sim mới lấy sim ra được. N lấy 01 chiếc tăm tre có sẵn trong túi áo ra, đưa cho D. D dùng tăm, chọc vào lỗ tròn tại khe sim, lấy sim số 0358303xxx ra khỏi điện thoại, vứt cả sim và chiếc tăm xuống đường, rồi đưa điện thoại lại cho N cầm. Sau khi đi tiếp qua ngã 3 Đ về hướng Tuyên Quang, cả hai vào một quán nước ở ven đường, gần cổng Nghĩa trang liệt sĩ huyện Đ, thuộc khu TL, thị trấn Đ để uống nước. N lấy chiếc điện thoại đã trộm cắp được ra xem và nói với D là điện thoại có đặt khóa màn hình. D bảo N phải tìm cửa hàng sửa chữa điện thoại để phá khóa màn hình. Lúc này, N và D nhìn thấy cách quán nước khoảng 100m về hướng Tuyên Quang là cửa hàng "Sửa chữa, mua bán điện thoại di động Ngọc H1". D bảo N đem điện thoại đến cửa hàng đó để phá khóa màn hình, còn D ngồi lại quán nước đợi. N đi đến cửa hàng, gặp anh Bùi Ngọc H1 là chủ cửa hàng. N đưa chiếc điện thoại di động đã trộm cắp được cho anh H1i xem, nói dối đây là điện thoại của chồng mình, bị quên mật khẩu, muốn phá khoá màn hình. Anh H1 báo giá phá khoá màn hình là 200.000 đồng. N điện thoại báo cho D, thì D nói không đủ tiền sửa, bảo N bán luôn điện thoại. Sau đó D cũng tới cửa hàng của anh H1. Do anh H1 nói phá khóa xong mới mua điện thoại, nên N và D phải đợi. Trong lúc đợi, N ngồi trong cửa hàng, còn D ra ngoài. Khoảng 02 giờ sau, anh H1 phá được khóa màn hình, nói với N sẽ mua với giá 1.700.000 đồng. N gọi điện cho D, cố tình nói to, hỏi D có đồng ý bán điện thoại với giá 1.700.000 đồng không. D nói "Thôi đừng văn vẻ nữa, bán nhanh đi, bây giờ anh qua". N tắt máy, bảo với anh H1 là đồng ý bán. Sau khi bán điện thoại, nhận 1.700.000 đồng, N đi ra khỏi cửa hàng thì gặp D. N và D tiếp tục đi bộ theo hướng Tuyên Quang. Cùng thời gian này, anh H ngủ dậy, phát hiện mất điện thoại nên báo cho Công an thị trấn Đ. Công an thị trấn Đ xác minh, truy tìm, phát hiện N và D đang đi bộ theo Quốc lộ 2, đã triệu tập về trụ sở để làm việc. N và D đã khai nhận việc bàn bạc, trộm cắp chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A50 của anh H, đem bán được 1.700.000 đồng như đã nêu trên. Công an thị trấn Đ tạm giữ của N và D số tiền 1.823.000 đồng; 01 chiếc điện thoại M asstel màu đỏ đen , lắp sim số 0365217xxx của Phạm Thị N; 01 chiếc điện thoại N okia màu đen, lắp sim số 0974768xxx của Nguyễn Mạnh D. Anh Bùi Ngọc H1 giao nộp chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A50 vừa mua của N và D. Công an thị trấn Đ chuyển tin báo, lời khai ban đầu, vật chứng đến Cơ quan CSĐT- Công an huyện Đ để điều tra theo thẩm quyền.

Cùng ngày, Cơ quan CSĐT- Công an huyện Đ yêu cầu Hội đồng định giá tài sản huyện Đ định giá chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A50 của anh H1 mà N, D đã trộm cắp. Tại bản kết luận định giá tài sản số 39, ngày 09/6/2021 Hội đồng định giá tài sản huyện Đ kết luận: Giá trị chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A50 tại thời điểm ngày 09/6/2021 là 2.500.000 đồng (Hai triệu năm trăm nghìn đồng).

Tại Cơ quan CSĐT- Công an huyện Đ, Phạm Thị N khai nhận, ngoài vụ trộm cắp trên, từ ngày 26/11/2020 đến ngày 22/02/2021, N đã 06 lần trộm cắp tài sản tại thành phố T, tỉnh Tuyên Quang, cụ thể như sau:

Lần 1: Khoảng tháng 10/2020 Phạm Thị N được chị Bùi Thị Khánh V sinh năm 1969 ở tổ 11 phường X, thành phố T thuê bán hàng tạp hóa tại cửa hàng tạp hóa "Hạnh V" mở tại nhà chị V. Công việc của N là lấy hàng đưa cho

khách, còn chị V hoặc người nhà chị V sẽ đứng ở quầy thu ngân để thu tiền. Sáng ngày 26/11/2020, khi trong cửa hàng chỉ có một mình N, N đã lén lút mở ngăn kéo đựng tiền ở quầy thu ngân, lấy một số tờ tiền (loại tiền Việt Nam đồng), cất vào túi quần đang mặc. Đến buổi trưa cùng ngày, N về nhà ở tổ 8, phường X, đếm số tiền trộm cắp của chị V được 420.000 đồng.

Lần 2: Khoảng 17 giờ 30 phút ngày 29/11/2020, khi N đang bán hàng tại cửa hàng tạp hóa "*Hạnh V*" , thì ông Phạm Đức L ở tổ 11 phường X bế cháu nội là Phạm Linh Đ1 sinh năm 2020 đến cửa hàng chơi. Do trước đó ông L đã từng đưa cháu Đ1 đến cửa hàng, nên N và ông L biết nhau. N đã đón, bế cháu Đ1 từ tay ông L. Phát hiện ở cổ tay phải của cháu Đ1 có đeo 01 chiếc vòng kim loại màu vàng, N nảy sinh ý định trộm cắp chiếc vòng này để bán lấy tiền tiêu xài. Khoảng 05- 10 phút sau, ông L đón cháu Đ1 lại từ tay N và đứng quay lưng lại phía N, hai tay của cháu Đ1 để sau lưng ông L. N dùng tay phải nắm lấy tay phải của cháu Đ1, giả vờ nói chuyện với cháu Đ1, rồi lén lút rút chiếc vòng tay ra khỏi tay cháu Đ1. N cất chiếc vòng vào túi quần bên phải đang mặc, tiếp tục bán hàng. Đến khoảng 21 giờ 30 phút cùng ngày, N về nhà ở tổ 8 phường X thì phát hiện chiếc vòng đã bị rơi mất. Tại Kết luận định giá tài sản số 13, ngày 18/4/2021 của Hội đồng định giá tài sản thành phố T kết luận: Chiếc vòng mà N trộm cắp của cháu Đ1 có chất liệu bằng vàng, trọng lượng 04 phân 90 loại vàng 16K, có trị giá là 2.053.000 đồng. Chị Phùng Như Tr (mẹ đẻ cháu Phạm Linh Đ1) là người đại diện hợp pháp của cháu Đ1 không yêu cầu N phải bồi thường chiếc vòng nói trên.

Lần 3: Khoảng 17 giờ 30 phút ngày 30/11/2020, khi N đang bán hàng tại cửa hàng tạp hóa "*Hạnh V*" của chị Bùi Thị Khánh V, thấy cửa hàng không có ai, N mở ngăn kéo đựng tiền ở quầy thu ngân, trộm cắp một số tờ tiền để trong ngăn kéo (loại tiền Việt Nam đồng), cất vào túi quần đang mặc. Đến khoảng 21 giờ 30 phút cùng ngày, N về nhà, đếm số tiền trộm cắp của chị V được 280.000 đồng.

Lần 4: Khoảng 18 giờ ngày 02/12/2020, khi N đang bán hàng tại cửa hàng tạp hóa "*Hạnh V*" của chị Bùi Thị Khánh V, thấy cửa hàng không có ai, N mở ngăn kéo đựng tiền ở quầy thu ngân, trộm cắp một số tờ tiền (loại tiền Việt Nam đồng) để trong ngăn kéo, cất vào túi quần đang mặc. Đến khoảng 21 giờ 30 phút cùng ngày, N về nhà, đếm số tiền trộm cắp của chị V được 750.000 đồng.

Tổng số tiền mà Phạm Thị N 03 lần trộm cắp của chị Bùi Thị Khánh V là 1.450.000 đồng, N đã chi tiêu hết. Chị V không yêu cầu N phải bồi thường.

Lần 5: Từ ngày 03/12/2020, N không đến làm cho chị V nữa, mà cùng chồng là Nguyễn Mạnh D về nhà N ở xã P, huyện T1, tỉnh Vĩnh Phúc, sau đó đến thành phố V2, tỉnh Vĩnh Phúc thuê nhà ở. Trong tháng 01/2021 N và D đã nhiều lần trộm cắp tài sản trên địa bàn thành phố V2. Cơ quan CSĐT- Công an thành phố V2 khởi tố vụ án, khởi tố bị can đối với N và D. Để trốn tránh việc bị bắt tạm giam, đầu tháng 02/2021 N và D trở về sống tại nhà D ở phường X, thành phố T. Chiều ngày 21/02/2021, N đi bộ theo các tuyến đường trong thành phố T tìm kiếm tài sản sơ hở để trộm cắp. Khoảng 18 giờ 45 phút cùng ngày, N đi qua cửa hàng spa, tóc "LT" ở tổ 16 phường PT, thành phố T . Đây là cửa hàng của chị Lâm Thị M sinh năm 1994 ở xã Q, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang

thuê để làm nghề tóc. N nhìn thấy 01 ban thờ thần tài đặt trên nền nhà, gần cửa ra vào, nên nảy sinh ý định trộm cắp tiền để tại ban thờ. N đi vào cửa hàng, nói với chị M là muốn nhuộm tóc. Khi chị M đi vào phía trong để lấy thuốc nhuộm, N nhìn thấy trên ban thờ thần tài có để 03 tờ tiền Việt Nam đồng, đều có mệnh giá 50.000 đồng. N lén lút lấy 03 tờ tiền đó, cất vào túi áo khoác đang mặc. Khi chị M quay ra, N lấy lý do đi mua bánh mì và rời khỏi cửa hàng. Số tiền trộm cắp được của chị M là 150.000 đồng, N đã chi tiêu hết; chị M không yêu cầu N phải bồi thường.

Lần 6: Sáng ngày 22/02/2021, N tiếp tục đi bộ theo các tuyến đường trong thành phố T tìm kiếm tài sản sơ hở để trộm cắp. Khoảng 09 giờ cùng ngày, N đi qua cửa hàng "Rèm vải cao cấp Thu Th" của chị Trần Thu Th sinh năm 1977 ở tổ 16 phường TQ, thành phố T. N nhìn thấy 01 ban thờ gắn trên tường, gần cửa ra vào của cửa hàng, nên nảy sinh ý định trộm cắp tiền để tại ban thờ. N đi vào cửa hàng, nói với chị Th là muốn mua rèm và đứng chọn rèm. Khi thấy chị Th quay mặt về hướng khác, N lén lút lấy các tờ tiền để trên ban thờ, đút vào túi áo khoác đang mặc. Cùng lúc này, chị Th quay về phía N, thấy N đang lén lút cất tiền vào túi áo. Chị Th nhìn lên ban thờ, không thấy tiền, nên nghi ngờ N đã trộm cắp. Chị Th quát: "Chị ăn trộm tiền à?" thì N lấy các tờ tiền vừa trộm cắp ra, ném xuống nền nhà, chạy ra khỏi cửa hàng. Chị Th đuổi theo, giữ N lại, báo Công an phường TQ. Công an phường TQ đã lập biên bản, kiểm tra, xác định N đã trộm cắp của chị Th 250.000 đồng. Số tiền này Cơ quan CSĐT- Công an hành phố T đã trả lại cho chị Th.

Sau khi khởi tố vụ án "Trộm cắp tài sản" xảy ra tại thị trấn Đ, huyện Đ ngày 09/6/2021, khởi tố bị can và bắt tạm giam đối với Phạm Thị N, Nguyễn Mạnh D, Cơ quan CSĐT- Công an huyện Đoan Hùng đã có công văn trao đổi với Cơ quan CSĐT- Công an thành phố T và Cơ quan CSĐT- Công an thành phố V2 về việc nhập vụ án hình sự để điều tra. Ngày 20/6/2021, Cơ quan CSĐT- Công an thành phố T khởi tố vụ án hình sự "Trộm cắp tài sản" xảy ra tại thành phố T, khởi tố bị can đối với Phạm Thị N về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Ngày 27/7/2021, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang ra Quyết định chuyển vụ án hình sự trên đến Cơ quan CSĐT -Công an huyện Đ để điều tra theo thẩm quyền. Ngày 29/7/2021, Cơ quan CSĐT- Công an huyện Đ ra Quyết định nhập vụ án hình sự "Trộm cắp tài sản" xảy ra tại thành phố T, tỉnh Tuyên Quang với vụ án hình sự "Trộm cắp tài sản" xảy ra tại thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ thành một vụ án hình sự "Trộm cắp tài sản". Cơ quan CSĐT- Công an thành phố V2 từ chối nhận, nhập vụ án hình sự theo đề nghị của Cơ quan CSĐT- Công an huyện Đ.

Ngày 07/8/2021, Cơ quan CSĐT- Công an huyện Đ ban hành Bản kết luận điều tra vụ án hình sự số 42, đề nghị truy tố đối với Phạm Thị N, Nguyễn Mạnh D về tội "Trộm cắp tài sản", căn cứ 02 lần N trộm cắp tài sản vào ngày 29/11/2020 tại thành phố T, tỉnh Tuyên Quang và ngày 09/6/2021 tại thị trấn Đ, huyện Đ, trong đó lần trộm cắp ngày 09/6/2021 D là đồng phạm. Bản kết luận điều tra đã nêu: Đối với 05 lần trộm cắp tài sản khác mà Phạm Thị N thực hiện vào các ngày: 26/11/2020, 30/11/2020, 02/12/2020, 21/02/2021, 22/02/2021 tại thành phố T, tỉnh Tuyên Quang, do tài sản mỗi lần trộm cắp đều dưới 2.000.000 đồng, nên không cấu thành tội "Trộm cắp tài sản", mà là hành vi vi phạm hành

chính. Cơ quan CSĐT- Công an huyện Đ đã trích sao các tài liệu liên quan, chuyển đến Công an thành phố T, tỉnh Tuyên Quang đề nghị xử phạt vi phạm hành chính đối với Phạm Thị N.

Tại bản Cáo trạng số: 41/CT- VKSĐH ngày 24/8/2021, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ đã truy tố Phạm Thị N và Nguyễn Mạnh D về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Trong phần tranh luận tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

*Áp dụng khoản 1 Điều 173; Điều 17; điểm s khoản 1Điều 51; điểm g, i khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 58 Bộ luật hình sự:

- Tuyên bố: Bị cáo Phạm Thị N phạm tội: "Trộm cắp tài sản".

- Xử phạt Phạm Thị N từ 15 đến 18 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam: 09/6/2021.

*Áp dụng khoản 1 Điều 173, Điều 17; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 58 Bộ luật hình sự:

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Mạnh D phạm tội: "Trộm cắp tài sản".

- Xử phạt Nguyễn Mạnh D từ 09 đến 12 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam: 09/6/2021.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với Phạm Thị N, Nguyễn Mạnh D.

- Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 47; điểm a, c khoản 2, điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Tịch thu, bán nộp ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Masstel màu, đỏ đen của Phạm Thị N; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen của Nguyễn Mạnh D.

- Tịch thu tiêu hủy 01 sim điện thoại số 0365217xxx của Phạm Thị N; 01 sim điện thoại số 0974768xxx của Nguyễn Mạnh D.

- Trả lại cho anh Bùi Ngọc H1 số tiền 1.700.000 đồng (Một triệu bảy trăm nghìn đồng).

- Trả lại cho Phạm Thị N 123.000 đồng (Một trăm hai mươi ba nghìn đồng).

- Xác nhận: Cơ quan CSĐT- Công an huyện Đ đã trả cho anh Nguyễn Văn H 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A50 (có biên bản về việc trả lại tài sản lưu trong hồ sơ).

- Về trách nhiệm dân sự: Do bị hại, đại diện hợp pháp của bị hại không yêu cầu các bị cáo bồi thường, nên không phải giải quyết.

- Về án phí: Mỗi bị cáo phải nộp 200.0000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa, các bị cáo: Phạm Thị N, Nguyễn Mạnh D khai nhận đã thực hiện hành vi đúng như nội dung cáo trạng truy tố, không có ý kiến bào chữa, tranh luận gì.

Bị hại có mặt tại phiên tòa là anh Nguyễn Văn H không tranh luận.

Kết thúc phần tranh luận, các bị cáo nói lời sau cùng:

- Bị cáo Phạm Thị N: Bị cáo biết hành vi của bị cáo gây nguy hiểm cho xã hội. Xin Tòa khoan hồng, xử bị cáo mức án thấp nhất.

- Bị cáo Nguyễn Mạnh D: Bị cáo biết đã sai với pháp luật, với bị hại. Xin Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Trong vụ án này, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đều thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Trong giai đoạn điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến khiếu nại, do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên đều hợp pháp.

[2]. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo: Phạm Thị N Nguyễn Mạnh D đều khai nhận đã thực hiện hành vi đúng như nội dung cáo trạng truy tố. Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của bị hại và lời khai của chính các bị cáo tại cơ quan điều tra, kết quả trích xuất camera tại khu vực hiện trường, vật chứng đã thu giữ và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy có đủ cơ sở kết luận:

Khoảng 17 giờ 30 phút ngày 29/11/2020, tại cửa hàng tạp hóa "Hạnh V" của chị Bùi Thị Khánh V ở tổ 11 phường X, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang, Phạm Thị N đã lén lút chiếm đoạt của cháu Phạm Linh Đ1 (sinh năm 2020) 01 chiếc vòng đeo tay bằng vàng 16K, trọng lượng 04 phân 90, có trị giá là 2.053.000 đồng (Hai triệu không trăm năm mươi ba nghìn đồng).

Ngày 07 và 08/6/2021 Phạm Thị N và Nguyễn Mạnh D bàn bạc, thống nhất về việc N sẽ đi trộm cắp, sau đó D đem tài sản đi tiêu thụ. Chiều ngày 08/6/2021, cả hai cùng nhau đi từ nhà ở thành phố T xuống thị trấn Đ, huyện Đ thuê phòng nghỉ qua đêm. Khoảng 07 giờ 30 phút ngày 09/6/2021, Phạm Thị N rời nhà nghỉ, đi dọc theo Quốc lộ 2 hướng Đ- Việt Trì, đột nhập vào nhà anh Nguyễn Văn H sinh năm 1988 ở phố ĐT, thị trấn Đ, lén lút chiếm đoạt của anh H 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A50, lắp sim số 0358303xxx. Sau khi lấy được tài sản, N điện thoại thông báo cho D biết. D và N trả phòng, rời nhà nghỉ, đi bộ theo Quốc lộ 2 hướng Đ- Tuyên Quang. Trên đường đi, D phối hợp cùng N xem xét, tháo, vứt bỏ sim điện thoại để tránh bị phát hiện, đem điện thoại đi phá khóa màn hình và thống nhất bán cho anh Bùi Ngọc H1 sinh năm 1983 ở khu TL, thị trấn Đ được 1.700.000 đồng. Trị giá chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A50 của anh Nguyễn Văn H là 2.500.000 đồng.

[3]. Hành vi nêu trên của Phạm Thị N và Nguyễn Mạnh D đã phạm vào tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự quy định:

" Người nào trộm cắp tài sản của người khác có trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng……., thì bị phạt cải tại không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm".

[4]. Hành vi của các bị cáo đã xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Cả hai bị cáo tuổi đời còn trẻ, muốn có tiền tiêu xài nhưng lười lao động. Các bị cáo đều có nhân thân xấu: Nguyễn Mạnh D có 03 tiền sự, ngoài ra còn nhiều lần khác bị xử lý, xử phạt vi phạm hành chính nhưng đã đủ thời hạn để được coi là chưa bị xử lý vi phạm hành chính. Phạm Thị N không có tiền án, tiền sự nhưng có 03 lần bị kết án (đã được xóa án tích), 02 lần bị xử phạt vi phạm hành chính (đã hết thời hiệu thi hành). Ngoài ra, vào tháng 01/2021, các bị cáo đã nhiều lần trộm cắp tài sản tại thành phố V2, tỉnh Vĩnh Phúc, bị Tòa án nhân dân thành phố V2 xét xử vào ngày 15/9/2021. Vì vậy, cần áp dụng hình phạt tù nghiêm khắc đối với Phạm Thị N và Nguyễn Mạnh D để giáo dục, cải tạo các bị cáo.

[5]. Các bị cáo thực hiện tội phạm thuộc trường hợp đồng phạm, nhưng chỉ là đồng phạm giản đơn. Hội đồng xét xử đánh giá vai trò, tính chất, mức độ phạm tội và nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ của từng bị cáo như sau:

Phạm Thị N trực tiếp thực hiện hành vi trộm cắp tài sản 02 lần, tổng trị giá tài sản bị cáo chiếm đoạt là 4.553.000 đồng, trong đó có 01 lần phạm tội với cháu Phạm Linh Đ1 sinh năm 2020 là người dưới 16 tuổi. Do đó Phạm Thị N phải chịu 02 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo điểm g, i khoản 1Điều 52 Bộ luật hình sự là "Phạm tội 02 lần trở lên" và "Phạm tội đối với người dưới 16 tuổi". Phạm Thị N được áp dụng 01 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự là "Khai báo thành khẩn". Bị cáo thực hiện hành vi một cách táo tợn, ngang nhiên giữa ban ngày, lại có nhiều tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Hội đồng xét xử thấy rằng, mức phạt đối với N phải cao hơn hẳn so với Nguyễn Mạnh D, cao hơn mức đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa mới thỏa đáng.

Nguyễn Mạnh D đồng phạm với vai trò là người giúp sức trong lần Phạm Thị N trộm cắp chiếc điện thoại di động của anh Nguyễn Văn H, trị giá tài sản trộm cắp là 2.500.000 đồng. Trước khi N thực hiện hành vi trộm cắp, D và N đã bàn bạc, thống nhất ý chí về việc N là người đi tìm tài sản sơ hở để trộm cắp, sau đó D sẽ cùng N xử lý, tiêu thụ tài sản. Trên thực tế, sau khi N trộm cắp được chiếc điện thoại của anh H, D đã kiểm tra, tháo, vứt bỏ sim điện thoại nhằm tránh bị định vị, phát hiện, cùng N đem tài sản đi tiêu thụ. Nguyễn Mạnh D được hưởng 01 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự là "Khai báo thành khẩn". Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào. Xét mức phạt mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị đối với Nguyễn Mạnh D là phù hợp, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6]. Đối với 05 lần trộm cắp tài sản mà Phạm Thị N thực hiện vào các ngày: 26/11/2020, 30/11/2020, 02/12/2020, 21/02/2021, 22/02/2021 tại thành phố T, tỉnh Tuyên Quang, do số tiền mỗi lần trộm cắp đều dưới 2.000.000 đồng; thời điểm thực hiện hành vi trộm cắp N không có tiền án, tiền sự về hành vi chiếm đoạt tài sản, nên không cấu thành tội "Trộm cắp tài sản". Cơ quan CSĐT- Công an huyện Đ đã trích sao các tài liệu liên quan, chuyển đến Công an thành phố T, tỉnh Tuyên Quang đề nghị xử phạt vi phạm hành chính đối với Phạm Thị N, vì vậy trong vụ án này Hội đồng xét xử không xem xét.

[7]. Về hình phạt bổ sung: Khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự quy định: "Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng". Do Phạm Thị N và Nguyễn Mạnh D đều không có tài sản riêng, vì vậy không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[8]. Anh Bùi Ngọc H1 là người đã mua của N và D chiếc điện thoại di động mà các bị cáo trộm cắp của anh Nguyễn Văn H. Tuy nhiên, anh H1 không biết đây là tài sản do phạm tội mà có. Cơ quan điều tra không đề cập xử lý đối với anh H1 là đúng quy định của pháp luật.

[9]. Về xử lý vật chứng: Chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát:

- Trong số tiền 1.823.000 đồng đang tạm giữ của các bị cáo có 1.700.000 đồng là tiền mà anh Bùi Ngọc H1 trả cho Phạm Thị N để mua điện thoại. Anh H1 không biết chiếc điện thoại đó là tài sản do phạm tội mà có, nên sẽ trả lại 1.700.000 đồng cho anh H1. Số tiền 123.000 đồng còn lại là tài sản hợp pháp của Phạm Thị N, không liên quan đến việc phạm tội, sẽ trả lại cho bị cáo.

- 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Masstel màu đỏ, đen của Phạm Thị N; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen của Nguyễn Mạnh D, các bị cáo đã sử dụng liên lạc với nhau nhằm phối hợp tiêu thụ tài sản trộm cắp, cần tịch thu, bán nộp ngân sách nhà nước. Hai sim điện thoại không còn giá trị sử dụng sẽ tịch thu tiêu hủy.

- Cơ quan CSĐT- Công an huyện Đ đã trả cho anh Nguyễn Văn H 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A50. Việc xử lý vật chứng đúng quy định của pháp luật, cần xác nhận.

[10].Về trách nhiệm dân sự: Anh Nguyễn Văn H đã nhận lại chiếc điện thoại di động bị mất, không yêu cầu Phạm Thị N và Nguyễn Mạnh D bồi thường chiếc sim điện thoại số 0358303xxx bị mất do các bị cáo đã vứt bỏ; người đại diện hợp pháp của bị hại Phạm Linh Đ1 là chị Phùng Như Tr không yêu cầu Phạm Thị N bồi thường chiếc vòng tay bằng vàng 16K mà N chiếm đoạt của cháu Đ1. Vì vậy về dân sự Hội đồng xét xử không phải giải quyết.

[11]. Về án phí: Các bị cáo: Phạm Thị N, Nguyễn Mạnh D bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về trách nhiệm hình sự:

*Áp dụng khoản 1 Điều 173; Điều 17; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g, i khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 58 Bộ luật hình sự:

- Tuyên bố: Bị cáo Phạm Thị N phạm tội: "Trộm cắp tài sản".

- Xử phạt Phạm Thị N 01 (Một) năm 08 (Tám) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam: 09/6/2021.

*Áp dụng khoản 1 Điều 173, Điều 17; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 58 Bộ luật hình sự:

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Mạnh D phạm tội: "Trộm cắp tài sản".

- Xử phạt Nguyễn Mạnh D 01 (Một) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam: 09/6/2021.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với Phạm Thị N, Nguyễn Mạnh D.

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 47; điểm a, c khoản 2, điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Tịch thu, bán nộp ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Masstel màu, đỏ đen của Phạm Thị N; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen của Nguyễn Mạnh D.

- Tịch thu tiêu hủy 01 sim điện thoại số 0365217xxx của Phạm Thị N; 01 sim điện thoại số 0974768xxx của Nguyễn Mạnh D.

- Trả lại cho anh Bùi Ngọc H1 số tiền 1.700.000 đồng (Một triệu bảy trăm nghìn đồng).

- Trả lại cho Phạm Thị N 123.000 đồng (Một trăm hai mươi ba nghìn đồng).

(Các vật chứng nêu trên đang do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ quản lý. Các điện thoại di động có đặc điểm như mô tả trong Biên bản giao nhận vật chứng giữa Cơ quan CSĐT- Công an huyện Đ và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ).

- Xác nhận: Cơ quan CSĐT- Công an huyện Đ đã trả cho anh Nguyễn Văn H 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A50 (có biên bản về việc trả lại tài sản lưu trong hồ sơ).

3. Về trách nhiệm dân sự: Do bị hại, đại diện hợp pháp của bị hại không yêu cầu các bị cáo bồi thường, nên không phải giải quyết.

4. Về án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án: Buộc các bị cáo: Phạm Thị N, Nguyễn Mạnh D, mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng).

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các bị cáo và bị hại có mặt có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm. Đại diện hợp pháp của bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến

vụ án vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Đ;
- VKSND tỉnh PT;
- Trại TG Công an tỉnh PT;
- Bị cáo; bị hại;
- UBND xã P;
- Người có QL, NVLQ;
- UBND phường X;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Thi hành án hình sự;
- Sở Tư pháp tỉnh Phú Thọ;
- Lưu hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Vũ Thị Minh Hòa